

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2023

“V/v tranh chấp HNGĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan và ông Kiều Xuân Mai;

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Công – Thư ký viên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Mai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/QĐ-HPT ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đàm Thị N, sinh năm 1987, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1981, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ chị Đàm Thị N trình bày:

+ Về quan hệ tình cảm:

Vợ chồng tôi kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 26/2/2009 tại UBND xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc nên vợ chồng thường xuyên xảy xô sát. Vợ chồng tôi ly thân kể từ năm 2020 đến nay. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 21/02/2010 và cháu Đỗ Thị Kiều Anh, sinh ngày 26/3/2013. Hiện tại các cháu đang ở với tôi. Tôi đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con. Hiện tại tôi làm công nhân thu nhập 6 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung; công sức; công nợ: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã triệu tập anh Đỗ Anh T nhiều lần nhưng anh T không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ tình cảm: Cho chị Đàm Thị N được ly hôn anh Đỗ Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 21/02/2010 và cháu Đỗ Thị Kiều Anh, sinh ngày 26/3/2013. Giao cháu Quỳnh Anh cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Kiều Anh cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn cư trú tại huyện Mê Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội theo quy định tại Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị.

Anh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh vẫn không có mặt, tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình nên HĐXX áp dụng điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đàm Thị N và anh Đỗ Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thỏa thuận tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2009 tại UBND xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T hay chơi bời phá tán tài sản nên vợ chồng thường xuyên xảy xô sát. Vợ chồng ly thân kể từ đầu năm 2020 đến nay. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án, không thể hiện quan điểm của mình, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Xét thấy hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ để cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Đàm Thị N và anh Đỗ Anh T có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 21/02/2010 và cháu Đỗ Thị Kiều Anh, sinh ngày 26/3/2013. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xin được nuôi cả hai cháu. Xét thực tế chị N làm công nhân thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên việc nuôi cả hai cháu là rất khó khăn và theo nguyện vọng của cháu Quỳnh Anh muốn được ở với anh T nên giao cháu Quỳnh Anh cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu Kiều Anh cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

Về tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn xin ly hôn của chị Đàm Thị N.

2. Cho chị Đàm Thị N được ly hôn với anh Đỗ Anh T.

3. Về con chung: chị N, anh T có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 21/02/2010 và cháu Đỗ Thị Kiều Anh, sinh ngày 26/3/2013.

Giao cháu Đỗ Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 21/02/2010 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Thị Kiều Anh, sinh ngày 26/3/2013 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không xét.

5. Về án phí: Chị Đàm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh theo Biên lai số AA/2020/0021166 ngày 05/7/2023, chị đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. huyện Mê Linh;
- Chi cục THA. huyện Mê Linh
- Lưu: HS, VP;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tuyên